

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 30/5/2024
“V/v trAh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DAN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A GIAG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần ThAh SAg;
- Ông Trịnh Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Thuận A, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 “trAh chấp hợp đồng dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170A/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2023/QĐHPT ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1982; địa chỉ: số 50, khóm Thị 2, thị trấn M L, huyện C M, tỉnh A GiAg

Bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24 đường Quán Cơ Thành, khóm Bình Thới 3, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh A GiAg. Theo văn bản ủy quyền ngày 29.03.2022 được Văn phòng công chứng Lục Văn Tiến chứng thực; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Võ Thị N (6 LA), sinh năm 1960; địa chỉ: ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện C M, tỉnh A GiAg; có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:** Ông Phạm Quốc Sĩ, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện C M, tỉnh A GiAg; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P trình bày: Do chỗ quen biết với bà X nên bà N (Dì 6 LA) tham gia nhiều dây hội do bà X làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 02/06/2019 (âm lịch). Hội có 22 hội viên, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, sau khi hốt hội thì bà N (Dì 6 LA) có châu hội chết và còn nợ số tiền hội chết 06 kỳ là 18.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 05/01/2020 (âm lịch). Hội có 21 hội viên, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 04 phần và đã hốt hết 04 phần, sau khi hốt hội thì bà N (Dì 6 LA) có châu hội chết và còn nợ tiền hội chết 04 kỳ là 16.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng/nửa tháng khai một lần, khai ngày 15/01/2020 (âm lịch). Hội có 23 hội viên, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 06 phần và đã hốt hết 06 phần, sau khi hốt hội thì bà N (Dì 6 LA) có châu hội chết và còn nợ tiền hội chết 07 kỳ là 42.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 19/01/2020 (âm lịch). Hội có 25 hội viên, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, sau khi hốt hội thì bà N có châu hội chết và còn nợ tiền hội chết của 17 kỳ hội là 102.000.000 đồng.

- Dây hội thứ năm: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/06/2020 (âm lịch). Hội có 21 hội viên, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần, sau khi hốt hội thì bà N có châu hội chết và còn nợ tiền hội chết của 18 kỳ là 108.000.000 đồng.

- Dây hội thứ sáu: Hội ngày 30.000 đồng/ngày, khai ngày 16/07/2020 (âm lịch), hội có 32 ngày là hội mãi, dây hội này bà N (Dì 6 LA) tham gia 50 phần và đã hốt hết 50 phần. Sau khi hốt thì bà N có châu hội chết và còn nợ lại tiền hội chết 24 ngày tổng số tiền 36.000.000 đồng.

- Dây hội thứ bảy: Hội ngày 30.000 đồng/ngày, khai ngày 15/07/2020 (âm lịch), hội 32 ngày là mãi, bà N tham gia 50 phần và đã hốt xong, sau khi hốt thì bà N không có châu hội chết và còn nợ lại tiền hội chết 31 ngày tổng số tiền 46.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội mà bà N (Dì 6 LA) còn nợ bà X là 368.500.000 đồng

Ngoài ra trong quá trình chơi hội thì bà N (Dì 6 LA) còn vay của bà X số tiền 250.000.000 đồng, không tính lãi suất. Tổng số tiền hội và tiền vay bà N (Dì 6 LA) còn nợ bà X là 618.500.000 đồng. Ngày 22/12/2022 giữa bà X với bà N

(Dì 6 1A) có lập văn bản xác nhận số nợ còn nợ bà X tổng số tiền 600.000.000 đồng. Nay bà X yêu cầu bà N (Dì 6 1A) và ông Phạm Quốc Sĩ có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền hụi và vay là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa, bà X xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Quốc Sĩ, không yêu cầu ông Sĩ cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Võ Thị N (Dì 6 1A) trả cho bà X vừa tiền hụi và tiền vay là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- *Tại tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị N (Dì 6 1A) trình bày:* Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà XoA, bà chỉ thừa nhận có thiếu tiền vay của bà X là 250.000.000 đồng và tiền hụi 240.000.000 đồng, mỗi ngày bà đóng lãi 375.000 đồng cho bà X (việc đóng lãi này không có làm biên nhận hay giấy tờ gì chỉ giữa bà với bà X biết) bà đóng được 12 tháng do không có khả năng nên bà không đóng tiếp tục. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt số tiền vay là 250.000.000 đồng, tiền hụi 240.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); dAh sách hụi viên (bản photo), giấy xác nhận nợ giữa bà X với bà N (Dì 6 1A).

- Ông Phạm Quốc Sĩ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Võ Thị N không thống nhất số nợ hụi và vay mà bà X kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc Sĩ vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị N có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị X chủ hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000đồng/tháng, khai ngày 02/06/2019 (âm lịch). Sau khi hốt hụi thì bà N có châu hụi chết và còn nợ tiền hụi chết 06 kỳ hụi chết, số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000đồng/nửa tháng khai một lần, khai ngày 05/01/2020 (âm lịch). Sau khi hốt hụi thì bà N có châu hụi chết và còn nợ tiền hụi chết 04 kỳ hụi chết số tiền 16.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng/nửa tháng khai một lần, khai ngày 15/01/2020 (âm lịch). Sau khi hốt hụi thì bà N có châu hụi chết và còn nợ tiền hụi chết 07 kỳ hụi chết số tiền 42.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 19/01/2020 (âm lịch). Sau khi hốt hụi thì bà N có châu hụi chết và còn nợ tiền hụi chết của 17 kỳ hụi chết số tiền 102.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Là hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/06/2020 (âm lịch). Sau khi hốt hụi thì bà N có châu hụi chết và còn nợ tiền hụi chết của 18 kỳ hụi chết số tiền 108.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ sáu: Hụi ngày 30.000 đồng/ngày, khai ngày 16/07/2020 (âm lịch), hụi 32 ngày là mãn, bà N tham gia 50 phần và đã hốt xong. Sau khi hốt xong thì bà N có châu hụi chết và còn nợ lại tiền hụi chết 24 ngày số tiền 36.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ bảy: Hụi ngày 30.000 đồng/ngày, khai ngày 15/07/2020 (âm lịch), hụi 32 ngày là mãn, bà N tham gia 50 phần và đã hốt xong. Sau khi hốt xong thì bà N không có châu hụi chết và còn nợ lại tiền hụi chết 31 ngày số tiền 46.500.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ hụi bà N còn nợ là 368.500.000 đồng

Ngoài ra trong quá trình chơi hụi thì bà N còn vay của bà X 250.000.000 đồng, không tính lãi suất. Tổng số tiền hụi và tiền vay bà N còn nợ bà X là 618.500.000 đồng. Ngày 22/12/2022, bà X, bà N có xác nhận nợ, theo đó bà N còn nợ bà X tổng số tiền 600.000.000 đồng. Nay bà X yêu cầu bà N và ông Phạm Quốc Sĩ có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà X và người đại diện theo ủy quyền của bà X rút lại yêu cầu đối với ông Sĩ nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Phía bà N thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà X làm chủ và có vay tiền. Bà N có ký tên vào biên nhận nợ ngày 21/12/2022, nợ bà X số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng sau khi ký biên nhận nợ thì bà đã trả được 150.000.000 đồng, nên chỉ thừa nhận còn nợ bà X số tiền 450.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, căn cứ bà X khởi kiện là biên nhận nợ ngày 21/12/2022, thể hiện, bà N còn nợ bà X số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà N cũng thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ. Nhưng cho rằng đã trả được 150.000.000 đồng, còn nợ lại 450.000.000 đồng nhưng bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc trả tiền nên không có căn cứ xem xét. Từ những tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xác định được rằng giữa bà X và bà N có xác lập hợp đồng hụi và hợp đồng vay và bà N còn nợ bà X số tiền 600.000.000 đồng. Do đó, bà X khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà N, do bà X không đồng ý nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Quốc Sĩ.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.
- Buộc bà Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền hụi và tiền vay là 600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Về tố tụng:***

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị N (6 LA), ông Nguyễn Quốc Sĩ có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho bà là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Bà N, ông Sĩ có nơi cư trú ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện C M, tỉnh A GiAg. Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở ông Phạm Quốc Sĩ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị X là ông Nguyễn Văn P tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà với bà X và bà N có ký kết hợp đồng góp hụi và vay giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, trong quá trình tham gia chơi hụi thì bà N là người trực tiếp giao dịch với bà X, nhưng dAh sách hụi thì được bà X ghi tên “Dì 6 LA”, trong các dây hụi bà N tham gia thì đã hốt hết nhưng bà N không châu lại số tiền hụi chết, bà X phải ra tiền châu thay cho bà N, ngoài ra bà N còn vay của bà X số tiền 250.000.000 đồng, hai bên không tính lãi suất. Sau đó bà N có làm biên nhận nợ với bà X số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) nhưng khi bà X có yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền hụi và tiền vay là 600.000.000 đồng cho bà X thì bà N vẫn không thực hiện, do đó bà N vi phạm nghĩa vụ thAh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp có dAh sách dây hụi thể hiện từng dây hụi và được bà X ghi tên “Dì 6 LA” nằm các số thứ tự trong từng dây hụi.

Đối với những người làm chứng trong các dây hụi do bà X tham gia thì cũng đều xác định có cùng tham gia chơi chung với bà N trong các dây hụi do bà X làm chủ. Khi góp hụi đến kỳ mở hụi thì bà N tham gia bỏ hụi và hốt hụi nhưng sau đó có châu hụi chết và hiện nay bà N còn nợ lại số tiền hụi chết và số tiền vay là 600.000.000 đồng

Như vậy, lời khai của bà X phù hợp với lời khai những người làm chứng tham gia chơi hụi chung với bà N là có thực tế. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:

Bà X yêu cầu bà N, ông Sĩ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi và tiền vay là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Tại phiên Tòa, người đại diện ủy quyền cho bà X xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Sĩ, không yêu cầu ông Sĩ cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N để trả cho bà X số tiền hụi và vay là 600.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi hội đã mãn đến nay, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền hội và tiền vay sau khi bà làm biên nhận nợ với bà X còn thiếu lại trong các dây hội và tiền vay là 600.000.000 đồng, bà N cho rằng bà chỉ thiếu số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền hội 240.000.000 đồng, mỗi ngày bà đóng lãi 375.000 đồng cho bà X (việc đóng lãi này không có làm biên nhận hay giấy tờ gì chỉ giữa bà với bà X biết) bà đóng được 12 tháng do không có khả năng nên bà không đóng tiếp tục, ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đóng lãi cho bà X, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Bà N xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được phía bà X chấp nhận.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền hội và tiền vay là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bà X không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nhưng do bà N thuộc trường hợp người cao tuổi và bà đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, do đó bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Võ Thị N (Dì 6 LA) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền hụi và số tiền vay là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X yêu cầu ông Phạm Quốc Sĩ cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Võ Thị N (Dì 6 LA) trả số tiền hụi và tiền vay là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nhưng do bà N thuộc trường hợp người cao tuổi, bà có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, do đó bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014811 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A GiAg cấp ngày 14 tháng 12 năm 2023.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. C M;
- TAD tỉnh A GiAg;
- Chi cục THADS H. C M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn